

BẢN LUẬN QUYỂN 31

Thứ ba, là nói về quán Duyên khởi. Vì các pháp sinh của sáu sự Tâm, Tư, nên sinh v.v... của các pháp kia vì chi sinh trước trước, nên chi sinh sau sau. Vì chi Diệt trước trước, nên chi Diệt sau sau. Trong đây đều không có tác giả tự Tại, cho đến các pháp chuyển biến. Đây là phá chấp trời tự tại của ngoại đạo là chủ thể tác giả, người sống, người chết. Lại, phá Số Luận chấp có “tánh minh”, gọi là tự tánh, chấp có ngã đế, gọi là sĩ phu. Với Hai mươi ba đế khác, gọi là Trung gian, trung gian là đối tượng chuyển biến.

Hoặc trong, hoặc ngoài. Nghĩa là thuộc về căn trong mười hai chi, gọi là trong; thuộc về trần, gọi là ngoài.

Mé trước không có biết; mé sau không có biết: nghĩa là mười nhân quá khứ dẫn dắt đến cái chết trong hiện tại, vả lại, nêu vô minh, nên nói là mé trước không có biết. Mười nhân hiện tại dẫn đến sự sống, chết ở đương lai, vả lại nêu ở vô minh, nên nói là mé sau không biết.

Phân biệt về tánh của hai chi như thế, gọi là tư duy tự tướng.

Đại lý quán đái đầu tiên trong lý Tâm, tư. Nghĩa là chỉ quả nghiệp quán đái, rằng vô minh v.v... giả nói là tác giả, thọ đều không có tác giả, thọ giả chân thật.

Lại, trong đây có hai thứ quả và hai thứ nhân, hai thứ quả là:

1/ Quả tự thể: là pháp sáu xứ v.v... của các Dị thực sinh ở đời nay. Sáu căn, sáu trần gọi là quả tự thể.

2/ Quả của Cảnh giới thọ dụng: Nghĩa là tăng thượng của nghiệp ái, phi ái mà khởi v.v... tức là sáu thọ thọ dụng sáu trần. Trần là đối tượng thọ dụng; Thọ là chủ thể Thọ dụng.

Hai nhân là:

1/ Nhân dẫn dắt.

2/ Nhân sinh khởi.

Nhân dẫn dắt: là đối với hai quả, cho đến hạt giống Xúc, Thọ. Do mê hai thứ quả nói trước, nên khởi ngu si. Ngu si phát ra hành, Hành năng dẫn phát thức, gọi là chủng. Gọi là chủng lại hay dẫn phát Hạt giống của danh sắc. Hạt giống của danh sắc lại dẫn hạt giống của sáu xứ. Hạt giống của sáu lại dẫn chủng xúc, hạt giống Xúc lại dẫn hạt giống của Chi Thọ.

Bảy chi như thế, lôi kéo trước, dẫn phát sau. Ngài Tam Tạng nói: “Nhân lôi kéo, dẫn phát chính là lấy thể của nghiệp thiện, ác. Nay, trong văn này lấy chúng hành nhân vô minh và Hành đã dẫn sinh hạt

giống của năm chi, đều gọi là nhân dẫn dắt. Dưới đây sẽ giải thích về ý dẫn dắt nhau.

Vì khiến cho Thức, Sinh sắc, Sáu Xứ; Xúc, Thọ theo thứ lớp sinh. Thuộc về tướng của chi sinh ở đương lai, nên nay, trước là niếp thọ hạt giống của pháp kia. Tất cả như thế, gọi là nhân dẫn dắt.

Bảy chi như thế đối với sinh, già chết sẽ khởi thức v.v.... Tất cả đều là thể của nhân dẫn dắt lôi kéo.

Nói thức thuộc về tướng: Tướng gọi là chi sinh, thức thuộc về Danh.

Nhân sinh khởi: Nghĩa là nếu khi lãnh thọ các vô minh, xúc mà sinh ra thọ v.v..., chính là lúc ở hiện tại, lãnh thọ thuộc về Già chết của mẹ trước, khởi ái cảnh giới, cũng khởi tìm ái của thân sau. Nhân hai ái này làm “duyên” sinh ra Thủ, cho nên nói rằng: “Và chủ thể niếp thọ phẩm ái, phẩm si mà có các Thủ. Cho nên bốn thủ lấy ái làm thể, nên nói phẩm ái có các Thủ. Thủ này tương ứng với si, lại nói rằng phẩm si đã có các Thủ. Do ái, thủ này thấm nhuần hạt giống của tám chi làm duyên tăng thượng, khiến dẫn sinh hạt giống Thức v.v... cho quả dị thực, tức nói ái, thủ có ba chi, gọi là nhân sinh khởi.”

Ngài Tam Tạng nói: “Nhân sinh khởi chính là lấy trong văn Ái, Thủ, y cứ ở thọ, để nói về ái đã sinh, gọi là nhân sinh khởi. Do sức tăng. Thượng duyên của hai nhân này, tức là đối tượng theo đuổi của ba khổ chiêu cảm, gom góp tất cả uẩn v.v... thân tụy khổ lớn, hai nhân tức nói mười chi trước là thể của hai nhân, nhân thành được ba quả khổ theo đuổi.

Thứ tư, là nói về quán sáu giới: Sáu việc tầm tư, tầm tư đời quá khứ, vị lai và hiện tại, sáu giới làm duyên được vào thai mẹ v.v.... Nghĩa là có sinh quán đãi trong xả, có không, thức của bốn đại, nương giá bất tịnh được vào thai mẹ. Lại do các nghiệp phiền não đời trước và hạt giống, danh ngôn của mình để làm nhân duyên v.v..., đều giải thích về nghĩa quán đãi.

Trong đạo lý pháp nhĩ nói rằng thành lập pháp tánh: Như tánh chấp cứng chắc, ẩm ướt, noãn, động của bốn đại, chẳng phải nhân duyên nương tựa, mà là tánh tự thành lập.

Khó tư duy pháp tánh, nghĩa là không nên tư duy vì sao đất cứng mà không là ẩm ướt?

An trụ pháp tánh nghĩa là có Phật, không Phật đất cũng thường cứng chắc v.v....

Thứ năm, là nói dùng sáu việc tầm, tư niệm A-na-ba-na, nghĩa

là nương tựa lời Phật dạy, có thể biết đúng buột tâm nơi cảnh của hơi thở ra vào thhấu rõ không có quên mất, là nghĩa của niệm A-na-ba-na. Lại tư duy trong thân hơi thở kia có thể được, vì hệ thuộc thân, nên gọi là trong, là loại gió ngoài, gọi là thuộc xứ ngoài. Sự khác nhau trong, ngoài, gọi là biết sự.

Lại, tư duy hơi thở vào, hơi thở ra, mỗi hơi thở đều có hai:

1, Hơi thở vào có hai khoảng giữa, hơi thở ra cũng thế. Lại, biết hơi thở ra vào, nghĩa là khoảng giữa biết hơi thở vào, hơi thở ra, khởi nối tiếp trong nhiều giờ là dài.

Như thế là hơi thở ra vào ngắn. Nghĩa là khoảng giữa hơi thở vào, ra, khởi tạm, gọi là ngắn. Như thế dựa vào sự khác nhau của sáu việc Tâm, Tư, đối tượng duyên của tịnh hạnh, quán rồi. Dưới đây, là kết và chỉ:

Kết năm pháp quán dừng tâm ở trước, gọi là đối tượng duyên của tịnh hạnh, cho đến hoặc dựa vào đối tượng duyên khéo léo và sở duyên của tịnh “hoặc”.

“Đối với Xứ của mình, về sau, ta sẽ nói” trở xuống, là nói về nơi chốn duyên tịnh “hoặc” của đối tượng duyên thiện xảo, gọi là xứ của mình.

Từ trên đến đây, phần nhiều văn đều là thứ hai, nói về một tánh cảnh của tâm chung cho cả Chỉ, Quán.

Từ đây trở xuống, là thứ ba, nói về chín gia hạnh, trong đó, đầu tiên, nêu chung về pháp hắc, bạch, mỗi pháp đều có chín. Nêu riêng về chín phẩm bạch, gọi là phân biệt tương đối khác nhau.

Kế là, tùy theo giải thích riêng về chín thứ phẩm bạch. Sau, kết hai phẩm, phân biệt về tổng kết thuận, nghịch kia.

Mười tám trị chướng gọi là một tánh cảnh của tâm, do gia hạnh thuộc về chín thứ phẩm bạch, có thể giúp cho tâm kia nhanh chóng được Định. Đây là y cứ trong tâm nghe, tư duy, tạo ra chín gia hạnh, có thể nhanh chóng được định, giúp cho Tam-ma-địa càng tiến thêm lên: Đây là y cứ ở tâm định, tạo ra chín gia hạnh, giúp cho Đăng trì càng tiến thêm lên. Lại, vì lý do này, nên đối với Địa được thích hợp và tùy theo chỗ thích ứng được nhanh chóng, có thể không có sự chậm trễ. Muốn khởi thần thông đi qua địa khác và tùy theo điều mong muốn, tu khởi công đức. Do chín thứ gia hạnh này nên sự mong muốn chóng thành.

Tùy theo:

1/ Tưởng trong giải thích riêng, nên gia hạnh là người tham dục tu bất tịnh quán v.v... vì tương ứng với thuốc, bệnh.

2/ Người tập gia hạnh, đối với phẩm chỉ quán, đã từng tu tập nhiều, cho đến phần ít chẳng phải đối với tất cả hạnh quán đều mới tu nghiệp.

“Vì sao” trở xuống, là nêu nghiệp mới tu, để làm rõ đã từng quán tập.

3/ Gia hạnh không chậm rãi, nghĩa là khởi ân cần trân trọng vô gián. Hoặc tu nghiệp hòa kính, nghĩa là sáu hòa kính.

4/ Gia hạnh không trái ngược: Như sự khai ngộ, tức học như thế, lia tự ngạo mạn v.v....

5/ Gia hạnh hợp thời. Tu Chỉ, nêu Xả, kế là, thích hợp thời gian. Lại rất dễ hiểu rõ Chỉ quán, nêu lên thể tướng và thời gian của bốn pháp xả, thể của Chỉ tức chín tướng trụ tâm. Tướng Chỉ có hai:

1- Tướng sở duyên tức là bản chất sở tri của phẩm Chỉ đồng phần với ảnh tượng là tướng sở duyên của Chỉ.

2- Bản ý của tướng nhân duyên, nghĩa là nương tựa Xa-ma-tha huân tập tu Chỉ, vì e dựa vào tu Chỉ, tâm sẽ chìm mất, nên vì khiến Chỉ tâm, lia chìm mất, được thanh tịnh, nên tu quán gia hạnh. Tu quán gia hạnh đối cõi Chỉ thanh tịnh là tướng nhân duyên.

Thế nào là quán? Nghĩa là quán hạnh sở duyên khác nhau của bốn hạnh; ba môn và sáu sự, tức theo thứ lớp, quyển trước nói: “Bốn thứ Tỳ-bát-xá-na, nghĩa là chủ thể chánh tư duy lựa chọn; Tư duy lựa chọn rất tích cực; Tâm, Tư cùng khắp, Từ sát cùng khắp gọi là bốn hành. Ba Môn là:

1- Chỉ tùy theo tướng hạnh.

2- Tùy theo hạnh Tâm, Tư.

3- Tùy theo hạnh Từ sát.

Sáu Sự tức là Nghĩa, sự, Tướng, Phẩm, Thời và Lý.

Tướng quán có hai:

1- Tướng của sở duyên (đối tượng duyên), Nghĩa là Quán, Phẩm, Sở tri, Bản chất, Sự, Đồng phần; Ảnh tượng, tùy theo tâm quán mà khởi.

2- Tướng Nhân duyên, nghĩa là nương tựa Tỳ-bát-xá-na để huân tập tâm, e rằng dựa vào quán tâm sẽ trôi nổi, giao động thái quá, vì muốn cho tâm quán lia dao động, được thanh tịnh, nên tu Xa-ma-tha, tất cả gia hạnh làm tướng nhân duyên cho quán vượt hơn sau. Hoặc sợ lúc chìm xuống. Nghĩa là biết tâm lúc yếu kém, e sẽ chìm mất.

Đối với Phẩm chỉ, Quán, Điều hòa, Nhu thuận, ngay thẳng: nghĩa là Chỉ, Quán đồng đều, gọi là điều nhu ngay thẳng.

Tướng Xả, nghĩa là do đối tượng duyên, làm cho tâm Xả ở trên v.v... Luận sư Cảnh nói: “Cực lực Xả hôn trầm, trạo cử, để cho tâm xả ở trên. Nếu tinh tấn thái quá thì tâm sẽ xảy ra sự giao động, nên ở đây không được tinh tấn thái quá.”

Pháp sư Thái nói: “Đối với cảnh sở duyên, cực lực là Chỉ, điệu cử, gọi là lúc xả duyên tăng thượng, nghĩa là đối với Phẩm Chỉ quán, lập ra lia điệu cử là khi tu xả, cũng nên nói là đối với phẩm Chỉ quán đã có tâm chìm mất, lúc đã giải thoát là tu xả.” Thứ sáu là hiểu rõ gia hạnh, nghĩa là đối với các tướng đã nói như thế, khéo lấy, khéo biết rõ về nhập, trụ, xuất tất cả các Định tùy ý đều có thể. Hoặc có lúc ruồng bỏ ảnh tượng của Cảnh Định, tác ý tư duy các cảnh giới, bản chất sở duyên của tâm tán cõi Dục, gọi là hiểu rõ gia hạnh, đây là y cứ ở sự hiểu rõ về ảnh tượng tướng phần của Tâm Định, giống như cảnh của bản tánh sở duyên của tâm tán. Như đây gọi là Xả chất quán của ảnh tượng.”

Ngài Tam Tạng nói: “Bỏ ảnh tượng sở duyên trong Xả Định chính là “Duyên” bản chất của bộ xương trong rừng bản tánh”.

Thứ bảy, tám, rất dễ hiểu. Thứ chín, chính là gia hạnh, văn chia làm hai:

1- Lược nêu tướng gia hạnh.

2- “Chánh là dứt bỏ” trở xuống, là giải thích rộng năm môn.

Trong phần đầu, rằng, đối với sở duyên, cho đến các tướng bất tịnh, nghĩa là ban đầu, quán xanh, bầm. Kế là, xả quán sinh trưởng. Kế là, lại xả quán tướng sinh trưởng, mục nát v.v.... Do trừ cảnh tướng mà khởi tác-ý, đối với cảnh sở duyên, thường chính dứt trừ biệt cảnh hiện ở trước, gọi là chánh gia-hạnh.

Trong giải thích rộng, đầu tiên, là nêu; kế là, giải thích; sau, là phânbiệt để giải thích.

Trong giải thích, không lấy các tướng không niệm, do “duyên” cảnh của Địa định, vì tư-duy Địa định khác, nên gọi là đối với tác-ý khác, nghĩa là như Sơ tĩnh-lự “duyên” pháp v.v... của Địa trên, tĩnh lự của địa trên duyên với pháp của địa dưới, v.v... gọi là “duyên” cảnh của Địa định khác.

Trong phần phân biệt chính nói chia làm hai:

1/ Nêu chung phân biệt lấy đã nói hai thứ.

2/ Phát ra tướng.

Trong phần trước, dù an lập khắp tất cả sở-duyên, chính là dứt trừ tướng, đều có năm thứ. Nhưng ý nghĩa này là lấy sự thu nhiếp tâm mình bên trong, tác ý không niệm. Nghĩa là thứ chín trong đây, phân

biệt chính thức gia-hạnh, chính là vì có khả năng dứt trừ cảnh-tướng sở duyên, nên ý trong đó lấy:

- 1/ Thu nhiếp tâm bên trong.
- 2/ Phát ra Tác-ý không nhớ nghĩ tất cả tướng.
- 3/ Vẫn “duyên” cảnh của địa khác.
- 4/ Vẫn quán cảnh bất-tịnh v.v....
- 5/ Vẫn “duyên” Tác-ý tư-duy cõi Vô-tướng.

Cho nên, ba tướng sau, không thuận với dứt trừ chính thức sự gia hạnh.

Thứ hai nêu tướng tác ý không niệm trong sự giải thích ban đầu trong hành tướng của chánh gia hạnh kia.

“Hai, lại hạnh có tướng, có phân biệt” trở xuống, là giải thích thu nhiếp tâm bên trong.

Trong phần trước, nói là người mới tu nghiệp, hoàn toàn không buộc tâm mình đối với cảnh sở-duyên của năm pháp quán dừng tâm chỉ niệm được không phân tán, cho đến lià các tác dụng vừa ý bên trong, vui vẻ đối với tướng ngoài, không có tư-duy, dứt trừ sở duyên, nhiếp thọ sự vừa ý vui vẻ trong hạnh tu tập.

Thứ hai, trong giải thích về sự thu nhiếp tâm mình, đầu tiên, pháp; kế là, dụ; sau là hợp.

Đầu tiên là nói rằng: “Lại, hạnh có tướng, có phân biệt các cảnh như bất tịnh v.v... Đây là nói do tác-ý không niệm mà lấy cảnh bất tịnh v.v... của tướng ngoài.

“Thế nào mà hành cho đến không lấy, không bỏ” trở xuống, là giải thích về nghĩa không bỏ, không lấy. Do đối với sở duyên, vì hạnh chỉ chuyển biến, nên không gọi là xả, cho đến không thể qua đến, cho đến hiện quán sự cảnh của sở-tri, đây là giải, thích ngược lại. Do thường thắng giải, thường dứt trừ trở xuống là giải thích thuận thí như thế gian trở xuống là thứ hai, nêu dụ để làm rõ.

Thứ hai, là nêu dụ để làm rõ.

“Đạo lý trong đây v.v... ”trở xuống, là thứ ba, hợp dụ, đối với cảnh hợp mà khởi thắng giải, tức đối với hợp nhỏ mà chính thức dứt trừ v.v.... Vả, như ban đầu “duyên” màu xanh hẹp, ít, quán khởi thắng giải xong, dứt trừ “duyên” màu xanh rộng lớn. Hoặc vô lượng màu xanh. Kế là, tức loại trừ, phải biết cũng vậy. Đối với màu xanh hẹp, ít, chính thức dứt trừ xong, hoặc đối với sắc vàng hẹp, ít, lại khởi thắng giải; hoặc đối với màu xanh rộng lớn, hoặc vô lượng màu xanh mà khởi thắng-giải. Đối với màu rộng lớn kia và với vô lượng màu, phải biết cũng vậy.

“Duyên” màu xanh rộng xong, kế là, dứt trừ, lại quán màu vàng rộng lớn; hoặc vô lượng màu xanh v.v.... Hẹp, ít cũng vậy.

Nếu các sắc pháp tất cả ảnh tượng của tướng mạo biểu hiện rõ ràng, phải biết là giống với biến hóa thô, nghĩa là nếu duyên ảnh tượng của sắc pháp là thô, giống với biến hóa, thì các pháp không có sắc giả gọi ở trước như đã lãnh thọ, vì sức tăng thượng, nên ảnh tượng hiện rõ. Nghĩa là nếu quán không có sắc thì pháp được lấy khác sẽ không có tướng mạo, vì Tâm được gọi là sức tăng thượng của sự lãnh thọ. Ảnh tượng hiện rõ, như thể tánh của ảnh tượng này là gì? Ngài Tam Tạng nói: “Tùy theo duyên” các pháp phi sắc thọ, tướng v.v... đã khởi ảnh tượng, tức là loại tánh của bản chất, gọi là pháp kia.

Kế là giải thích về tịnh chướng, trong đó có hai:

1- Giải thích tịnh chướng.

2- Dùng bốn câu phân biệt về hạnh tịnh chướng.

Trong phần trước, trước là nêu, chung. Kế là, tùy theo giải thích riêng, trong đó có hai lượt:

Trong lượt đầu, chướng yếu kém. Nghĩa là đối với pháp Niết-bàn xuất ly và đối với pháp xa lìa của đạo thế gian, xuất thế gian, lúc siêng năng tu hành. Đối với pháp tạp nhiễm, có kính mến, không ưa hoặc vọng, lo lắng, buồn rầu, nên tâm yếu kém che lấp Tâm, Tư. Nghĩa là Tâm, Tư dục, nhuế, hại v.v..., biết tai họa lỗi lầm của chướng, vì chướng này có, nên đối với bốn thứ chướng kia lúc còn ở thân, chưa chứng, không chứng đã được lui sụt mất, cho đến đọa các đường ác, gọi là biết tai họa lỗi lầm của chướng.

Trong tu tập đối trị, đầu tiên là nói về đối trị yếu kém. Sau nói về trị cái che lấp v.v....

Trong phần trước đầu tiên, là nói về trị chung, đều dùng chung tùy niệm để làm đối trị. Do tác ý tùy niệm làm vui lòng mình, nghĩa là cầu xuất ly. Về lý cũng không có khó khăn khiến cho các sự yếu kém đã sinh, dứt trừ chưa sinh, bất sinh.

Kế là nói về đối trị riêng. Tác ý phi lý cái che lấp khác v.v... dùng trái nhau đó, tác ý như lý làm đối trị, nghĩa là có tham cái và tầm dục, tướng bất tịnh đối trị. Cái hữu nhuế, tầm nhuế, tu từ làm đối trị. Hôn tầm, thù miên, tư duy tướng Ánh sáng làm đối trị.

Nghi dựa vào các hành của ba đời, chấp, “ngã” là “có” là “không” v.v... biết rõ các hành của ba đời, chỉ bà con, cõi nước không chết v.v.... Tâm bà con trạo cử, ác tác, tu chỉ, hành vắng lặng là pháp nhân duyên, đã có, sẽ có, nay làm đối trị.

Trong phen thứ hai, giải thích lại. Như văn rất dễ hiểu.

“Phải biết trong đây “trở xuống, là bốn câu phân biệt về hạnh năng tịnh chướng, câu đầu, nói về: Giáo càng nhiều, thuận với quán càng nhiều. Do quán nhiều nên làm cho chỉ cũng nhiều. Quán lại tùy theo phẩm loại của cảnh cũng nhiều.

“Chính tu hành” trở xuống, là thứ hai, nói do quán tập tăng trưởng rộng lớn, làm cho chỉ cũng thế. Thân, tâm khinh an, với một cảnh của tâm giúp đỡ lẫn nhau, xoay vần lệ thuộc nhau. Thân, tâm khinh an, là thô nặng, gọi là “chuyển y” dựa vào trí hiện lượng của cảnh sở tri sinh ra.

Hỏi: “ Ngang đâu sẽ nói v.v... ” trở xuống, là thứ ba, nói về năm pháp quán dừng tâm, giới hạn đầy đủ của hạnh hay tịnh chướng: Trước là hỏi, sau đáp.

Trong đáp: 1- Nói về giới hạn thành mãn của quán bất tịnh. 2- So sánh giới hạn thành tựu viên mãn của bốn thứ như thương xót, v.v..., nên nói rằng: “ phải biết cũng thế” dưới đây là nói về sự khác nhau: nghĩa là phần nhiều hành tướng của tâm từ được thể hiện rõ, chứ chẳng phải tướng sân nhuế. Đối với pháp xứ thuận theo triền sân nhuế, tâm không thu nhập, cho đến nói rộng, tâm không ưa thích, tâm không tin hiểu, an trụ ở xả, nảy sinh nhàm trái sâu sắc, bấy giờ, người tu hạnh quán, phải tự biết rõ: Nay, tôi đã được quán thương xót. Nay, mình đã được tu quả. Ngang đây, gọi là quán thương xót đã được rốt ráo v.v....

Nếu người kia nặng về ngu si thì phải quán duyên khởi, hiểu rõ mười hai chi chỉ là hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã biểu hiện rõ ràng, chẳng phải chấp thân thường, lạc đều cùng hiện hành, những lời khác giống như trước.

Chấp ngã mạn v.v... Nghĩa là quán giới phân biệt, biết rõ thân này chỉ nhiều tánh giới, thân mượn các thứ tướng khác nhau trong nhóm, tướng hiện rõ, chẳng phải chấp một tướng của nhóm thân hiện rõ.

Tâm, Tư nhiều. Nghĩa là thực hành quán sở tức, tâm tư tịch chỉ, gọi là tướng vắng lặng bên trong hiện ra, chẳng phải lại được khởi các thứ tướng tâm, tư hý luận, hiện hành.

Hỏi: “Ngang đâu sẽ nói hai thứ Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đều chuyển” trở xuống, là thứ tư, nói về giới hạn vận chuyển song song chỉ quán?

Đáp: “ Nếu có đạt được, cho đến người tu tuệ tăng thượng, trụ đẳng trì thứ chín trong chín tướng trụ tâm, cũng gọi là Đẳng dẫn trụ. Dùng đẳng trì này là dựa vào tu tuệ tăng thượng trong pháp quán thắng nghĩa

đế của thế tục. Bấy giờ, người kia do quán pháp nên trụ đạo nhậm vận chuyển, không có công dụng chuyển không do gia hạnh v.v.... Nghĩa là do thường tu tập, không do công dụng chuyển song song chỉ quán”.

Từ đây trở xuống dùng bài tụng Ốt-Đà-Nam trong gồm thâu chung nói rằng: “ bài Tụng Ốt-Đà-Nam có ba:

1/ Sơ, là lúc nói về pháp, đầu tiên dùng một bài tụng nghĩa là không tụng lại, đều nêu các môn; sau, dựa vào môn để giải thích.

2/ Trung, tức là tụng lại pháp phân biệt chưa rõ, khoảng giữa, nêu tụng để gồm thâu lại nghĩa trước.

3/ Hậu, nghĩa là phân biệt pháp xong, nêu chung tụng lại tụng nghĩa trước.

Nay bốn bài tụng này chỉ là tụng trung, do trong an lập có năm nghĩa. Ngoài ra có môn tu tác ý thứ năm chưa giải thích, tức nêu tụng này gồm thâu lại nghĩa trước nên gọi là Trung.

Nay bốn bài tụng này là tụng hai môn trước. Ba bài tụng đầu, là tụng một tánh cảnh của tâm; một bài tụng sau là tụng về tịnh chướng.

Trong một tánh cảnh của tâm, 1/ Nói về một tánh cảnh của tâm. 2/ Nói về một tánh cảnh của tâm có cả Chỉ, Quán. 3/ Nói về chín thứ gia hạnh chung cho Chỉ, Quán, trong đó, trước nói về Chỉ, sau nói về Quán.

Trong quán, 1- Nói về bốn thứ; 2- Nói về sự của ba môn. Nay một bài tụng đầu trong tụng này, bài tụng về sở duyên khác nhau của sáu sự ba môn. Hai bài tụng kế là, tụng về chín thứ gia hạnh, y cứ trong năm môn an lập.

Từ trên đến đây, ba đoạn nói về bốn môn xong, từ đây trở xuống, là đoạn thứ tư, giải thích môn tu tác ý thứ năm, trong đó có hai:

1- Nói về người mới tu nghiệp, là chứng một tánh cảnh của tâm và dứt hỷ, lạc, tu bốn tác ý.

2- Giáo hóa người mới tu nghiệp, đối với tu tác ý, lấy năm thứ tướng.

Trong phần trước lại có hai:

1- Nhắc lại phần nêu ở trước.

2- Giải thích riêng.

Trong phần trước nói rằng: “Người mới tu nghiệp, đối với trong tướng phổ biến đã an lập do tánh cảnh và tịnh các chướng, lia tà gia hạnh, học chánh gia hạnh, nghĩa là Du-già thứ ba ở trước, đầu tiên có ba môn:

1- Môn đến chúc mừng.

2- Tìm kiếm.

3- Mới an lập.

Trong an lập có năm môn:

1- Che chở nuôi nấng tư lương định.

2- Xa lìa.

3- Một tánh cảnh của tâm.

4- Tịnh chướng.

5- Tu tác ý.

Nay, nhắc lại thứ ba một tánh cảnh của tâm trong năm nghĩa đã được an lập, vì duyên phổ biến, nên nói rằng: “Một tánh cảnh của tâm trong chướng, lìa chín thứ tà gia hạnh, học chín thứ chánh gia hạnh v.v.... Đây là nhắc lại trước. “Người kia nên trước cho đến bốn thứ tác ý”: đây là nêu số, kế là, nêu bốn tên gọi.

Trong giải thích riêng, có hai lượt giải thích:

Lượt đầu rất dễ hiểu. Trong phen thứ hai, văn chia làm ba:

1/ Giải thích chỗ đáng nhàm chán tai họa, đại khái có bốn thứ:

a) Minh suy tổn.

b) Người suy tổn, gặp nhau hiện ở trước.

c) Minh hưng thịnh.

d) Người hưng thịnh, lìa đổi thay, hư hoại.

2/ Giải thích về chỗ đáng nhàm chán có ba:

a) Tùy niệm Tam bảo, nghĩa là ta và giới cụ túc, đủ đức v.v... cùng làm ban pháp v.v..., ý chỉ lấy giới kia để niệm Tăng Bảo.

b) Tùy niệm Học xứ, thanh tịnh Thi-la. Trong thanh tịnh, lại nói : “Ta được đồng phạm hạnh với người Kia, đồng giới, đồng học và đồng với những gì mà người Kia thấy v.v... với ý niệm thân mình ba tuệ thanh tịnh một với người vượt hơn, làm cho tâm hân hoan vui vẻ.

c) Đối với pháp mà mình đã chứng khác nhau, sinh ra tin, hiểu sâu sắc, không có chỗ yếu kém, khiến tâm hân hoan, ưa thích trong đó có hai:

1) Nghĩ rằng: “ Nay ta có sức, vì có thể được những điều chưa được, nên khiến cho tâm hân hoan, ưa thích, khiến tâm hân hoan ưa thích.

2) Lại do trước, sau mạnh mẽ tinh tấn, đã gánh vác điều đã chứng, hơn nữa, thời gian sau, lại có pháp đã chứng, nên sinh ra tín, hân hoan, vui vẻ là gọi là môn khác. Pháp sư Cảnh giải thích: “Môn khác, nghĩa là mới có đối tượng chứng, tâm vương hân hoan, ưa thích vì khác với chứng cũ, nên gọi là môn khác, cũng có thể khác với lượt giải thích

đầu, lượt đầu chỉ nói rằng: “Do tác ý này đối với pháp đáng ưa chuộng, khiến tâm hân hoan ưa thích, là gọi là tác ý giúp thuận, để giải thích sự ưa chuộng.

Nay, y cứ “duyên” ba cảnh” 1/ Nhớ nghĩ Tam

Bảo.

2/ Nhớ nghĩ học xứ thi-la thanh tịnh.

3/ Đối với pháp mình đã chứng, sinh tâm kính tin, hân hoan ưa thích, nên khác với trước.

Nay, giải thích: “Ở trước nói rằng: “Nay ta, có sức, cho đến vì có thể được cái chưa được v.v... trong hiện pháp, nên sinh vui mừng”. Nay lại nói rằng: “Do tùy niệm đã được, lại về thời gian sau sẽ được chứng, sinh tánh giải sâu sắc, nên khác với môn trước.”

Từ đây trở xuống, là đoạn thứ ba, nói nương tựa hai xứ, sinh bốn tác ý, nhằm làm rõ công năng, trong đó, trước là pháp, kế là, dụ, sau là hợp.
